

Số: 20 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Hùng Hằng tại Văn bản số 01/GPMT-CT ngày 28/11/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở “Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 25 triệu viên/năm”; Văn bản số 02/CV-CT ngày 23/12/2024 của Công ty TNHH Hùng Hằng về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở “Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 25 triệu viên/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-TNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hùng Hằng địa chỉ tại thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 25 triệu viên/năm” tại thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công suất 25 triệu viên/năm

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Mỹ Ngọc, xã Ngọc Liên, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 2300415471, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 15, ngày 29 tháng 10 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp. Quyết định chủ trương đầu tư số 808/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương phê duyệt.

1.4. Mã số thuế: 2300415471.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất gạch tuynel.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công và thuộc nhóm III theo quy định tại mục II.2, phụ lục V, ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Diện tích đất sử dụng: 128.802m²

+ Sản xuất gạch tuynel công suất 25.000.000 viên QTC/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi và khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hùng Hằng được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hùng Hằng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND huyện Cẩm Giàng.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử của huyện;
- UBND xã Ngọc Liên;
- Công ty TNHH Hùng Hằng;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Công

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương phía Bắc của Cơ sở

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả thải: Mương phía Bắc của Cơ sở

- Tọa độ xả nước thải: Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3⁰: X(m) = 2319274; Y(m) = 565637

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 5m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục 24/24h.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, mức B giá trị C_{max} với k=1,2 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT C_{max} với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	

9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó được dẫn bằng ống nhựa HDPE D200, độ dốc 0,2%, chiều dài 650m vào hệ thống xử lý nước thải công suất 5m³/ngày đêm, xử lý đạt mức B của QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra môi trường tiếp nhận

- Nước thải sau xử lý được dẫn vào ống nhựa HDPE D200, độ dốc 0,2%, độ dài 200m vào mương phía Bắc của Cơ sở bằng 1 cửa xả

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể phốt, bể tách mỡ) → bể gom, điều hòa → ngăn thiếu khí → ngăn hiếu khí → ngăn lắng lamen → khử trùng → hố ga → nguồn tiếp nhận nước thải.

- Công suất thiết kế: 5 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật các bể: bể gom, điều hòa: 2,25 m³; ngăn thiếu khí: 4,5m³; ngăn hiếu khí: 4,5m³; bể lắng lamen: 2,25m³;

- Hóa chất sử dụng: Dung dịch khử trùng Cloramin B (70%) 7,85 kg/năm;

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
 + Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị bị hỏng
 + Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như máy thổi khí, bơm nước thải

+ Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Thường xuyên nạo vét, vệ sinh các bể xử lý và vận chuyển bùn thải phát sinh từ bể xử lý nước thải.

+ Lập hồ sơ nhật ký giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời để phát hiện sự cố.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách kỹ thuật tại Cơ sở hỗ trợ khắc phục sự cố.

- + Thông báo/thuê đơn vị xây lắp đến bảo dưỡng/khắc phục sự cố.
- + Xác định chất lượng nước thải đầu ra sau khi khắc phục sự cố, chỉ thải ra môi trường khi chất lượng đạt tiêu chuẩn.
- + Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.
- + Trong trường hợp xảy ra sự cố như vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn sẽ tiến hành ngưng hoạt động của bể xử lý và tiến hành kiểm tra, sửa chữa. Nước thải được lưu giữ tạm thời tại các ngăn của bể, sau khi sửa chữa xong sẽ được bơm lại ngăn thu gom để tiếp tục xử lý. Khi thời gian khắc phục sự cố dài, các ngăn không còn khả năng lưu chứa, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý trong khi chờ khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Từ ngày được cấp phép.
- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: 6 tháng kể từ ngày được cấp phép.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 5 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Số điểm	Số lần lấy mẫu
1	Nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải	01	01
2	Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải	01	03

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại Phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Thời gian quan trắc: 3 ngày liên tiếp trong toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm với tần suất 1 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với nguồn nước tiếp nhận: Nước thải sau xử lý của Cơ sở phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số K=1,2 trước khi thải ra mương phía Bắc của Cơ sở.

3.3. Trong quá trình xả thải vào mương phía Bắc của Cơ sở nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước mặt của khu vực, Công ty phải báo cáo kịp thời về Cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Hùng Hằng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi UBND huyện Cẩm Giàng, phòng Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở.

3.8. Công ty TNHH Hùng Hằng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Số lượng: 02 nguồn thải

+ Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ dây chuyền sản xuất gạch tuynel số 01, lưu lượng quạt hút 130.000 m³/h

+ Nguồn số 02: Bụi và khí thải từ dây chuyền sản xuất gạch tuynel số 02+03, lưu lượng quạt hút 170.000 m³/h

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng thải

2.1. Vị trí xả thải: theo hệ tọa độ và cao độ nhà nước VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiều 3°.

- Tọa độ điểm xả khí thải nguồn thải số 01: X(m) = 2319203; Y (m)=565973

- Tọa độ điểm xả khí thải nguồn thải số 02: X(m) = 2319123; Y (m)= 565741

2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa: 300.000 m³/h

2.1.1. Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng các quạt hút ly tâm; xả thải 24/24h.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, mức B, giá trị C_{max} với K_p = 0,8; K_v = 1,2).

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT Mức B, C _{max} (K _p = 0,8; K _v = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	192	6 tháng/lần
2	SO ₂	mg/Nm ³	480	
3	NO _x	mg/Nm ³	768	
4	CO	mg/Nm ³	960	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò sấy, nung: Bụi và khí thải lò sấy được đưa qua lò nung để tiếp tục đốt ở nhiệt độ cao hơn, bụi và khí thải ở lò nung được đưa tuần hoàn về lò sấy để cấp nhiệt cho quá trình sấy gạch, việc tuần hoàn bụi và khí thải từ lò sấy và lò nung sẽ giúp giảm thiểu bụi và khí thải, khí thải dư thừa sẽ được đưa qua ống khói bằng hệ thống quạt hút.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

* Hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất gạch tuynel số 01

- Sơ đồ nguyên lý của hệ thống xử lý: Bụi và khí thải lò nung → Lò sấy → Quạt hút → Ống khói

- Thông số kỹ thuật:

+ Quạt hút: 1 quạt hút sấy có công suất 20 kW, 01 quạt thu hồi có công suất 14 kW và 01 quạt hút nung có công suất 16 kW.

+ Lưu lượng quạt hút: 130.000 m³/h/quạt

+ Ống khói: 01 chiếc, thông số kích thước: đường kính đáy trong là 4,2m, đường kính ngọn trong 2,2m, chiều cao ống khói là 60m.

* Hệ thống xử lý bụi, khí thải của dây chuyền sản xuất gạch tuynel số 01

- Sơ đồ nguyên lý của hệ thống xử lý: Bụi và khí thải lò nung → Lò sấy → Quạt hút → Ống khói

- Thông số kỹ thuật:

- Quạt hút: 1 quạt hút sấy có công suất 18 kW, 01 quạt thu hồi có công suất 14 kW và 01 quạt hút nung có công suất 16 kW.

+ Lưu lượng quạt hút: 170.000 m³/h

- Ống khói: 01 chiếc, thông số kích thước: đường kính đáy trong là 4,2m, đường kính ngọn trong 2,2m, chiều cao ống khói là 60m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục, định kỳ:

- Giám sát khí thải định kỳ: Thực hiện giám sát khí thải định kỳ đối với 02 ống khói.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí, tại 02 ống khói

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, NO₂, SO₂

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, mức B, giá trị C_{max} với hệ số K_p = 0,8, K_v = 1,2

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường ống, quạt hút của hệ thống.

+ Vận hành đúng quy trình kỹ thuật theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

+ Đào tạo, huấn luyện công nhân vận hành hệ thống để nắm rõ quy trình vận hành, các sự cố có thể xảy ra trong quá trình vận hành.

+ Dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để thay thế kịp thời khi xảy ra sự

cố hỏng hóc.

- Biện pháp khắc phục:

+ Thông báo cho phụ trách xưởng, tổ cơ điện hỗ trợ khắc phục sự cố.

+ Thuê đơn vị có chức năng đến sửa chữa trong trường hợp nhà máy không thể tự sửa chữa.

+ Thay thế kịp thời các bộ phận bị hư hỏng.

+ Khi sự cố ở mức nghiêm trọng, Công ty sẽ báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và tạm ngừng sản xuất để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở thuộc trường hợp quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ nên hệ thống xử lý khí thải không phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Công ty TNHH Hùng Hăng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- **Nguồn phát sinh:** Từ hoạt động từ các hoạt động sản xuất trong xưởng
gồm:

- + Nguồn số 01: Khu vực tạo hình của dây chuyền 1
- + Nguồn số 02: Khu vực tạo hình của dây chuyền 2+3
- + Nguồn số 03: Khu vực đầu lò tuynet của dây chuyền 1
- + Nguồn số 04: Khu vực cuối lò tuynet của dây chuyền 1
- + Nguồn số 05: Khu vực đầu lò tuynet của dây chuyền 2+3
- + Nguồn số 06: Khu vực cuối lò tuynet của dây chuyền 2+3

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- **Vị trí phát sinh:** Tọa độ các điểm phát sinh tiếng ồn theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰ như sau:

- + Nguồn số 1: X(m)= 2319120; Y(m) = 565889
- + Nguồn số 2: X(m)= 2319104; Y(m) = 565830
- + Nguồn số 3: X(m)= 2319174; Y(m) = 565864
- + Nguồn số 4: X(m)= 2319206; Y(m) = 565963
- + Nguồn số 5: X(m)= 2319154; Y(m) = 565811
- + Nguồn số 6: X(m)= 2319123; Y(m) = 565723

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/ BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/ BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	---	----------------------------	---------

	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm làm giảm chấn động khi hoạt động như: Xây dựng bộ máy riêng cho mỗi loại máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp các bộ tắt chấn động lực, dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ...

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn mà Công ty đã đặt ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-UBND
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Chất thải rắn nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	200	17 02 03
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính thành phần nguy hại	Rắn	100	18 01 02
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính thành phần nguy hại	Rắn	100	18 01 03
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	100	18 02 01
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	19 06 01
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thải (bóng đèn led, tắc te, lưu điện...)	Rắn	10	16 01 13
	Tổng khối lượng		520	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình kg/năm	Mã chất thải
1	Phế phẩm khâu mộc, khâu tạo hình	Rắn	840.000	06 02 03
2	Sản phẩm hỏng thải bỏ Tro xỉ tại lò gạch	Rắn	1.420.500	06 02 07
3	Nilon, bao bì nhựa, dây đai nhựa	Rắn	400	18 01 06
4	Giấy bìa	Rắn	200	08 03 13
5	Bùn thải từ HTXLNT, nạo vét cống thoát nước	Rắn/lỏng	5000	19 12 01

6	Palet hồng bằng gỗ	Rắn	6250	18 01 07
	Tổng khối lượng		2.272.350	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8,352 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Khu vực chứa chất thải nguy hại diện tích 15m², tường xây gạch, mái lợp tôn, có biển báo CTNH theo quy định, bên trong chứa các thùng có nắp đậy, dán nhãn CTNH đối với từng loại. Trang bị các thùng chứa trong để thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật

- Chất thải nguy hại phải thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 71 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường của Cơ sở diện tích 20m², có mái che, tường bao, có biển báo theo quy định. Trang bị các thùng chứa trong kho để thu gom, lưu giữ chất thải thông thường.

- Thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật. Đối với chất thải tái chế được thu gom bán tái chế cho đơn vị có chức năng.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 66 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Đặt các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh chất thải sinh hoạt, số lượng 5 thùng, dung tích 25 - 120 lít để thu gom chất thải sinh hoạt.

- Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý, phân loại lưu giữ, chuyển giao theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn khác

- Đối với bùn thải từ bể tự hoại; hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thu gom nước mưa với khối lượng khoảng 5 tấn/năm. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

3. Hệ thống tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 20 /GPMT-UBND

ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước đảm bảo nước thải sau xử lý đạt giá trị cho phép theo mức A của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường so với Giấy phép này.

8. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.